

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 30 tháng 8 năm 2024

NHÂN DANH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hữu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Công Lương

2. Ông Nguyễn Xuân Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thùy Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 09 và 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 446/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 446/2024/QĐST - DS ngày 14 tháng 6 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa ngày 12 tháng 7 năm 2024, quyết định tạm ngừng phiên tòa ngày 09.8.2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Đ. Địa chỉ trụ sở chính: 22 N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Địa chỉ nhận thông báo: Tầng 1, tòa nhà P, số 02 đường 30/4, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: ông Mai Xuân T. Chức vụ: Giám đốc Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản (Giấy ủy quyền số 1077/UQ-PVB ngày 10.06.2020)

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: bà Hồ Việt H. Chức vụ: Phó Giám đốc Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản (Giấy ủy quyền số 2257/UQ-PVB

ngày 06.02.2023); bà Nguyễn Thị Kim X, ông Hoàng Thế Q, ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị Thúy H (Giấy ủy quyền số 25789/UQ-PVB ngày 21.11.2023). Bà H có mặt.

- **Bị đơn:** Bà **Lê Thị Thu H**, sinh năm 1976 và ông **Nguyễn Hữu X**, sinh năm 1966. Cùng trú tại địa chỉ: 39-41 D, tổ 9, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Ông X, bà H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện tòa án nhận ngày 06.12.2023 và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nội dung vụ án như sau:

Để phục vụ mục đích cá nhân, bà Lê Thị Thu H và ông Nguyễn Hữu X đã ký kết Hợp đồng cho vay số 13/2019/HĐTD/PVB-PGDHC ngày 29/01/2019 (Hợp đồng cho vay) và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế PVcomBank MasterCard ngày 30/01/2019 với Ngân hàng TMCP Đ (viết tắt là PvcomBank), cụ thể:

+ Hợp đồng cho vay số 13/2019/HĐTD/PVB-PGDHC ngày 29/01/2019. Số tiền cho vay: 1.200.000.000 đồng. Thời hạn vay: 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay: Vay bù đắp mua xe ô tô du lịch. Lãi suất cho vay: được ghi nhận cụ thể tại Khế ước nhận nợ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất chậm trả: 10% năm. Kỳ hạn trả gốc lãi: Ngày 15 hàng tháng kể từ ngày 15/08/2022.

+ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế PVcomBank MasterCard ngày 30/01/2019. Hạn mức thẻ: 50.000.000 đồng.

Toàn bộ các nghĩa vụ tài chính của bà Lê Thị Thu H và ông Nguyễn Hữu X tại PVcomBank được bảo đảm thực hiện bằng tài sản thế chấp là Xe ô tô con nhãn hiệu Mercedes-Benz, số loại GLC 200, màu đỏ, BKS 43A-425.21, số khung: 4CBXJV006331, số máy: 492031595442 có Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 068379 do Phòng CSGT - Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 23/01/2019 cho bà Lê Thị Thu H theo Hợp đồng thế chấp Xe ô tô số 13/2019/HĐBĐ/PVB-PGDHC ký ngày 29/01/2019 giữa PVcomBank với bà Lê Thị Thu H và ông Nguyễn Hữu X.

Thực hiện Hợp đồng cho vay, PVcomBank đã giải ngân 01 lần, số tiền 1.200.000.000 đồng, bằng hình thức chuyển khoản đến tài khoản của ông Huỳnh Hoài N theo đề nghị của bà Lê Thị Thu H và ông Nguyễn Hữu X tại Khế ước nhận nợ ngày 30/01/2019.

Quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay, bà Lê Thị Thu H và ông Nguyễn Hữu X đã thanh toán cho PVcomBank tổng số tiền là: 1.056.681.939 đồng (gồm: Nợ gốc: 719.020.997 đồng và nợ lãi: 337.648.647 đồng), bắt đầu vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho PVcomBank kể từ kỳ thanh toán gốc, lãi ngày 28/09/2022.

Tạm tính đến hết ngày 30/08/2024, tổng nghĩa vụ nợ của bà Lê Thị Thu H và ông Nguyễn Hữu X tại PVcomBank là: 695.944.997 đồng trong đó:

Đối với hợp đồng cho vay: Nợ gốc là 480.979.003 đồng trong đó nợ gốc trong hạn là: 84.450.000 đồng, nợ gốc quá hạn là: 396.529.003 đồng. Nợ lãi là 173.335.141 đồng trong đó lãi trong hạn là: 83.281.961 đồng, lãi trên gốc quá hạn là 80.351.754 đồng, lãi chậm trả là 9.701.426 đồng. Tổng gốc và lãi là 654.314.144 đồng.

Đối với thẻ tín dụng: Nợ gốc là 17.828.646 đồng. Nợ lãi là 23.802.207 đồng bao gồm: Tiền lãi là 19.384.319 đồng, phí là 4.417.888 đồng. Tổng nợ gốc và lãi là 41.630.853 đồng.

PVcomBank đã nhiều lần gửi văn bản, trực tiếp làm việc về phương án trả nợ nhưng đến nay bà Lê Thị Thu H và ông Nguyễn Hữu X vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng.

Do đó, Ngân hàng TMCP Đ đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

Buộc bà Lê Thị Thu H và ông Nguyễn Hữu X phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền nợ gốc, lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay số 13/2019/HĐTD/PVB-PGDHC ngày 29/01/2019 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế PVcomBank MasterCard ngày 30/01/2019 tạm tính đến hết ngày 30/08/2024 là: 695.944.997 đồng (gồm: Nợ gốc: 498,807,649 đồng và Nợ lãi: 197.137.348 đồng).

Buộc bà Lê Thị Thu H và ông Nguyễn Hữu X phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP Đ số lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay số 13/2019/HĐTD/PVB-PGDHC ngày 29/01/2019 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế PVcomBank MasterCard ngày 30/01/2019 kể từ ngày 31/08/2024 cho đến khi tất toán khoản vay.

Trường hợp bà Lê Thị Thu H và ông Nguyễn Hữu X không thanh toán toàn bộ nghĩa vụ nợ, PVcomBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp Xe ô tô số 13/2019/HĐBĐ/PVB-PGDHC ký ngày 29/01/2019 để thanh toán khoản nợ của bà Lê Thị Thu H và ông Nguyễn Hữu X tại PVcomBank.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân quận H áp dụng các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông Nguyễn Hữu X, bà Lê Thị Thu H về “Tranh chấp hợp đồng cung ứng sử dụng dịch vụ thẻ tín dụng”. Buộc bà Lê Thị Thu H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế PVcomBank MasterCard ngày 30/01/2019 tính đến ngày 30.8.2024 là 41.630.853 đồng. Tiền lãi tiếp tục được tính từ ngày 31.8.2024 theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với ông Nguyễn Hữu X và bà Lê Thị Thu H về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Buộc ông Nguyễn Hữu X, bà Lê Thị Thu H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30.8.2024 theo hợp đồng cho vay số 13/2019/HĐTD/PVB-PGDHC ngày 29/01/2019 là 654.314.144. Tiền lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 31/8/2024

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP Đ (viết tắt là PvcomBank) khởi kiện bà Lê Thị Thu H và ông Nguyễn Hữu X phải trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền nợ gốc, lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay số 13/2019/HĐTD/PVB-PGDHC ngày 29/01/2019 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế PVcomBank MasterCard ngày 30/01/2019. Ngân hàng TMCP Đ có chi nhánh tại quận H, thành phố Đà Nẵng và lựa chọn Tòa án nơi có trụ sở chi nhánh giải quyết tranh chấp. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền.

[2] Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1]. Xét Hợp đồng cho vay số 13/2019/HĐTD/PVB-PGDHC ngày 29/01/2019:

Hợp đồng cho vay số 13/2019/HĐTD/PVB-PGDHC ngày 29/01/2019 giữa Ngân hàng TMCP Đ và bà Lê Thị Thu H và ông Nguyễn Hữu X được ký kết trên cơ sở tự nguyện, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự và quy định của Luật Các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[3.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay số 13/2019/HĐTD/PVB-PGDHC ngày 29/01/2019 thì thấy:

Theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng TMCP Đ cho bà Lê Thị Thu H và ông Nguyễn Hữu X vay: 1.200.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay: Vay bù đắp mua xe ô tô du lịch. Lãi suất cho vay được ghi nhận cụ thể tại Khế ước nhận nợ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất chậm trả: 10% năm. Kỳ hạn trả gốc lãi: Ngày 15 hàng tháng kể từ ngày 15/08/2022. Số tiền trả gốc hàng tháng là 16.650.000 đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, bà Lê Thị Thu H và ông Nguyễn Hữu X đã thanh toán cho PVcomBank tổng số tiền là: 1.056.681.939 đồng (gồm: Nợ gốc: 719.020.997 đồng và Nợ lãi: 337.648.647 đồng). Tuy nhiên kể từ kỳ thanh toán gốc, lãi ngày 28/09/2022, ông X, bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho PVcomBank. Như vậy, ông X, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng. Đến nay toàn bộ khoản nợ trên đã quá hạn. Căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông X bà H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền tính đến hết ngày 30.8.2024 là 654.314.144 đồng trong đó nợ gốc là 480.979.003 đồng, nợ lãi là 173.335.141 đồng.

Ngoài ra bà H, ông X phải chịu lãi tiếp tục tính từ ngày 31.8.2024 cho đến khi thanh toán hết số nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký.

[3.3] Đối với Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế PVcomBank MasterCard ngày 30/01/2019 thì thấy:

Ngày 30.01.2029, Ngân hàng TMCP Đ đã ký đơn đề nghị phát hành thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế PVcomBank MasterCard với bà Lê

Thị Thu H, hạn mức 50.000.000 đồng. Lãi suất là 25%. Phí, phí trả nợ trước hạn và các loại phí khác áp dụng theo quy định trong từng thời kỳ.

Quá trình sử dụng thẻ bà Lê Thị Thu H đã thực hiện giao dịch tính đến kỳ sao kê ngày 05.10.2022 với tổng số tiền 119.323.921 đồng. Tính đến hết ngày 30.8.2024, bà H còn nợ lại 17.828.646 đồng. Bà H có giao dịch ngoại tệ, chưa trả phí thường niên 450.000 đồng, phí quản lý chi tiêu ngoại tệ 1.088.783 đồng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại các kỳ trả nợ nên phải chịu tiền lãi phát sinh là 19.384.319 đồng, lãi chậm trả và các loại phí là 4.417.888 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi, phí là 41.630.853 đồng. Do bà Lê Thị Thu H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP Đ buộc bà H phải trả tiền gốc và lãi nêu trên là có căn cứ.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng về việc buộc ông Nguyễn Hữu X phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Lê Thị Thu H trả nợ chung đối với khoản vay tại thẻ tín dụng nêu trên vì ngân hàng không chứng minh được số tiền bà H vay sử dụng vào mục đích chung của vợ chồng.

[3.4]. Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam thì thấy:

Để bảo đảm cho 02 khoản vay trên, ông X, bà H bà đã thế chấp 01 Xe ô tô con nhãn hiệu Mercedes-Benz, số loại GLC 200, màu đỏ, BKS 43A-425.21, số khung: 4CBXJV006331, số máy: 492031595442 có Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 068379 do Phòng CSGT - Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 23/01/2019 cho bà Lê Thị Thu H theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp Xe ô tô số 13/2019/HĐBĐ/PVB-PGDHC ký ngày 29/01/2019 giữa PVcomBank với bà Lê Thị Thu H và ông Nguyễn Hữu X. Tài sản bảo đảm trên được đăng ký giao dịch bảo đảm, đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng thế chấp tài sản trên có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Tại Biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15 tháng 4 năm 2024 thể hiện: ông X, bà H không giao xe cho ngân hàng nên không xác định được hiện trạng của tài sản thế chấp.

Do đó, căn cứ các Điều 295, Điều 298, Điều 299, Điều 323 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng trong trường hợp ông X, bà H không thanh toán nợ cho Ngân hàng thì tài sản bảo đảm được xử lý theo quy định pháp luật để thu hồi nợ.

[4] Về án phí và các chi phí tố tụng khác:

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Đ theo quy định.

[4.2] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng ông X, bà H phải chịu. Ngân hàng TMCP Đ đã chi nên buộc ông X, bà H phải hoàn trả 2.000.000 đồng cho Ngân hàng TMCP Đ.

Chi phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng 7.000.000 đồng Ngân hàng TMCP Đ phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; điểm h khoản 1 Điều 40; khoản 2 Điều 180, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với ông Nguyễn Hữu X và bà Lê Thị Thu H về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Nguyễn Hữu X, bà Lê Thị Thu H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30.8.2024 theo hợp đồng cho vay số 13/2019/HĐTD/PVB-PGDHC ngày 29/01/2019 là 654.314.144 đồng trong đó nợ gốc: 480.979.003 đồng, nợ lãi là 173.335.141 đồng.

Kể từ ngày 31/8/2024 ông Nguyễn Hữu X và bà Lê Thị Thu H phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP Đ các khoản nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 13/2019/HĐTD/PVB-PGDHC ngày 29/01/2019 cho đến khi tất toán khoản vay.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với ông Nguyễn Hữu X, bà Lê Thị Thu H về việc “Tranh chấp hợp đồng cung ứng sử dụng dịch vụ thẻ tín dụng”.

Buộc bà Lê Thị Thu H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế PVcomBank MasterCard ngày 30/01/2019 tính đến ngày 30.8.2024 tổng cộng là 41.630.853 đồng trong đó tiền

gốc là 17.828.646 đồng, tiền lãi là 19.384.319 đồng, tiền phí là 4.417.888 đồng. Tiền lãi tiếp tục được tính từ ngày 31.8.2024 theo mức lãi suất mà các bên đã thoả thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế PVcomBank MasterCard ngày 30/01/2019 cho đến khi tất toán khoản vay.

3. Trường hợp ông Nguyễn Hữu X, bà Lê Thị Thu H không trả tiền hoặc trả tiền không đầy đủ đối với Hợp đồng cho vay số 13/2019/HĐTD/PVB-PGDHC ngày 29/01/2019 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế PVcomBank MasterCard ngày 30/01/2019 thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là 01 Xe ô tô con nhãn hiệu Mercedes-Benz, số loại GLC 200, màu đỏ, BKS 43A-425.21, số khung: 4CBXJV006331, số máy: 492031595442 có Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 068379 do Phòng CSGT - Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 23/01/2019 cho bà Lê Thị Thu H.

4. Về án phí và chi phí tố tụng:

Về án phí: Ông Nguyễn Hữu X, bà Lê Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 30.172.566 đồng (Ba mươi triệu, một trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm sáu mươi sáu) đồng đối với số tiền phải trả theo Hợp đồng cho vay số 13/2019/HĐTD/PVB-PGDHC ngày 29/01/2019.

Bà Lê Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.081.542 (Hai triệu, không trăm tám mươi một nghìn, năm trăm bốn mươi hai) đồng đối với số tiền phải trả theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế PVcomBank MasterCard ngày 30/01/2019.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí 14.078.390 đồng (bằng chữ: *Mười bốn triệu không trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm chín mươi đồng*) theo biên lai thu số 00031 ngày 15 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Đà Nẵng.

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 2.000.000 đồng ông Nguyễn Hữu X, bà Lê Thị Thu H phải chịu. Ngân hàng TMCP Đ đã chi nên buộc ông Nguyễn Hữu X, bà Lê Thị Thu H phải hoàn trả 2.000.000 đồng cho Ngân hàng TMCP Đ.

Chi phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng 7.000.000 đồng Ngân hàng TMCP Đ phải chịu.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- Các đương sự;
- Chi cục THA DS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hữu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thẻ tín dụng” của Ngân hàng TMCP Đ đối với ông Võ Văn T, bà Nguyễn Thị Hiền V.

Tuyên xử :

1. Buộc ông Võ Văn T, bà Nguyễn Thị Hiền V phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 28.7.2023 theo hợp đồng tín dụng số 81/2020/HĐTD/PVB-PGDOIK ngày 26/06/2020 là: 209.433.648 trong đó: Nợ gốc: 164.100.000 đồng, nợ lãi trong hạn 33.733.979 đồng, nợ lãi quá hạn 8.638.946 đồng, lãi chậm trả 2.960.723 đồng.

Kể từ ngày 29/07/2023 bà Nguyễn Thị Hiền V và ông Võ Văn T phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP Đ các khoản nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 81/2020/HĐTD/PVB-PGDOIK ngày 26/06/2020 cho đến khi tất toán khoản vay.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Hiền V phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền gốc, lãi, phí theo Hợp đồng thẻ tín dụng ngày 15/06/2020 là 36.362.648 (Ba mươi sáu triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn, sáu trăm bốn mươi tám) đồng trong đó tiền gốc là 19.148.288 đồng, tiền lãi thẻ 9.584.691 đồng, phí chậm trả là 7.329.669 đồng. Lãi, phí tiếp tục được tính từ ngày 29.7.2023 theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng thẻ tín dụng ngày 15/6/2020 cho đến khi bà Nguyễn Thị Hiền V tất toán khoản vay.

[4.2] . Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng nguyên đơn tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các điều 117, 299, 320, 322, 323; 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng TMCP P đối với ông Phạm Văn T, bà Lê Hoàng Thụy V.

Xử :

1. Buộc ông Phạm Văn T, bà Lê Hoàng Thụy V thanh toán cho Ngân hàng TMCP P tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 28.7.2023 là 6.938.370.435 (Sáu tỷ, chín trăm ba mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi nghìn, bốn trăm ba mươi lăm) đồng trong đó nợ gốc: 6.018.664.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 859.494.506 đồng, nợ lãi quá hạn là 60.211.929 đồng. Lãi tiếp tục được tính từ ngày 29.7.2023 theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi ông Phạm Văn T, bà Lê Hoàng Thụy V thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Trường hợp ông Phạm Văn T, bà Lê Hoàng Thụy V không trả tiền hoặc trả tiền không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP P có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ đối với Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA567334, thửa đất số 269 (số cũ: 32), tờ bản đồ số 192 (số cũ: B2.42), diện tích: 224,7m², địa chỉ thửa đất: TĐC T, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng đứng tên ông Huỳnh Văn T, bà

Nguyễn Thị B đã được chỉnh lý biên động sang tên ông Phạm Văn T, bà Lê Hoàng Thụy V vào ngày 31.3.2022.

Trường hợp khoản nợ được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất số 269 (số cũ: 32), tờ bản đồ số 192 (số cũ: B2.42), diện tích: 224,7m², địa chỉ thửa đất: TĐC T, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng được thanh toán xong thì Ngân hàng TMCP P phải có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA567334 cho Phạm Văn T, bà Lê Hoàng Thụy V theo quy định tại Điều 322 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm là 114.938.370 (Một trăm mười bốn triệu, chín trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm bảy mươi) đồng ông Phạm Văn T, bà Lê Hoàng Thụy V phải chịu.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP P số tiền tạm ứng án phí 67.487.815 (Sáu mươi bảy triệu, bốn trăm tám mươi bảy nghìn, tám trăm mười lăm) đồng đã nộp theo biên lai thu số 7204 ngày 06 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Đà Nẵng.

3.2. Về chi phí tố tụng:

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 3.000.000 (Ba triệu) đồng Ngân hàng TMCP P tự nguyện chịu.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- Các đương sự;
- Chi cục THA DS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hữu

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND quận Hải Châu; **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
- CCTHADS quận Hải Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thanh Anh